

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 7 - 2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Khúc Kim G**, sinh năm 1991, địa chỉ: KDC T H, phường Đ L, thành phố C L, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh 1991, địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC T H, phường Đ L, thành phố C L, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Macao - Trung Quốc.

- Người được anh G ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Viêt N**, sinh năm 1980, địa chỉ: Xã H C, huyện N S, tỉnh Hải Dương.

Anh G, chị L và anh N đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh **Khúc Kim G** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị Ngọc L** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L, thị xã C L (nay là phường Đ L, thành phố C L), tỉnh Hải Dương ngày 19/02/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung tại gia đình anh. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cuộc sống bấp bênh nên đến cuối năm 2018 chị L xuất khẩu lao động tại Macao - Trung Quốc. Tháng 9/2019 chị L về nước hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên do vợ chồng xa cách lâu ngày nên nghi ngờ nhau không chung thủy. Sau 01 tháng, chị L tiếp tục đi lao động tại Macao - Trung Quốc, từ đó anh G và chị L không còn liên lạc với nhau, mỗi

người sống một nơi không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị L để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Khúc Thụy V, sinh ngày 30/8/2014, hiện đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu chị L đóng góp tiền nuôi con chung và cam kết có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con chung đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L tại Macao - Trung Quốc.

- Bà Nguyễn Thị B mẹ đẻ chị L trình bày: Chị L và anh G tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2014. Vợ chồng anh G chị L chung sống vui vẻ hòa thuận cho đến năm 2018 chị L đi lao động tại Macao - Trung Quốc. Chị L vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng gia đình không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nay anh G xin ly hôn chị L, quan điểm của chị L cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho chị L biết về việc anh G làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Chị L không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại chị L có quan điểm xác định tình cảm giữa hai vợ chồng đã lạnh nhạt, vợ chồng xa cách nhiều năm nên không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống, chị L không muốn quay về chung sống với anh G nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; chị L cũng đồng ý để anh G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại công văn số 6448/QLXNC-P5 ngày 30/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 14/8/1991, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 04/10/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C4875908, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Khúc Kim G được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc L; Về con chung: Giao anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Khúc Thụy V, sinh ngày 30/8/2014 cho đến khi con trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự

không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Khúc Kim G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Macao - Trung Quốc nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên chị L vẫn thường xuyên liên lạc với người thân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu anh G và bà B (mẹ đẻ chị L) cung cấp địa chỉ của chị L nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh G, chị L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L, thị xã C L (nay là phường Đ L, thành phố C L), tỉnh Hải Dương ngày 19/02/2014. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống sống vui vẻ, hòa thuận đến năm 2018 chị L đi lao động tại Macao - Trung Quốc được một năm thì chị L về nước. Sau khi về nước hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị thường xuyên sống xa cách nên đã xảy ra mâu thuẫn do cả hai đều nghi ngờ sự chung thủy, không còn sự tin tưởng, dẫn đến bất đồng quan điểm, không thống nhất để xây dựng cuộc sống chung. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị L tiếp tục đi lao động tại Macao - Trung Quốc, từ đó hai vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Thông qua gia đình, chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên sống xa nhau nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, không muốn quay về chung sống với anh G nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho anh G được ly hôn chị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh G, chị L có 01 con chung là Khúc Thụy V, sinh ngày 30/8/2014, hiện đang do anh G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G có nguyện vọng xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị L đóng góp tiền nuôi con chung, cháu V có quan điểm xin được ở với bố, chị L cũng nhất trí để anh G tiếp tục được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy chị L hiện đang ở nước ngoài, anh G ở nhà có điều kiện chăm sóc con chung, anh chị thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con nên cần chấp nhận giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh G là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Khúc Kim G được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về con chung: Giao anh Khúc Kim G tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Khúc Thụy V, sinh ngày 30/8/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Khúc Kim G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2020/0004988 ngày 18/3/2022. Anh G đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị L đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ L, thành phố C L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang